

Số: 580...../QĐ-ĐHSPKTNĐ

Nam Định, ngày 01 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
cao đẳng kỹ thuật khóa 13 và cao đẳng kỹ thuật khối K khóa 11

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 06/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 22/03/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-LĐTBXH ngày 19/05/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 07/07/2010 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về việc ban hành Quy định thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên các lớp cao đẳng kỹ thuật khóa 13 và cao đẳng kỹ thuật khối K khóa 11 ngày 28/06/2013;

Xét đề nghị của Ủy viên thường trực Hội đồng xét tốt nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy cho 233 sinh viên, cụ thể:

- | | |
|---|--------|
| 1. Cao đẳng kỹ thuật khóa 13: | 194 SV |
| 2. Cao đẳng kỹ thuật khóa 12 (diện xét cùng khóa 13): | 10 SV |
| 3. Cao đẳng kỹ thuật khối K khóa 11: | 28 SV |
| 4. Cao đẳng kỹ thuật khối K khóa 10 (diện xét cùng khối K khóa 11): | 01 SV |

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chưa công nhận tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy cho 135 sinh viên, cụ thể:

- | | |
|---|--------|
| 1. Cao đẳng kỹ thuật khóa 13: | 114 SV |
| 2. Cao đẳng kỹ thuật khối K khóa 11: | 20 SV |
| 3. Cao đẳng kỹ thuật khối K khóa 10 (diện xét cùng khối K khóa 11): | 01 SV |

(có danh sách kèm theo).

Sinh viên được phép học trả nợ các học phần chưa tích lũy, xét học vụ và tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các phòng, khoa liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1, Điều 2 thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Khoa: Đ-ĐT, CK, CNTT;
- Phòng: KTTV, CT HS-SV, KT&ĐBCL;
- Lưu VT, Đào tạo (5 bộ).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**




TS. Trần Văn Khiêm

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG KỸ THUẬT KHÓA 13

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 580/QĐ-ĐHSPKTND ngày 11 tháng 7 năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	10GC710001	Hoàng Thị Mai Anh	10/02/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,53	0,00	Không	Khá
2	10GC710003	Nguyễn Tuấn Anh	11/05/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,61	17,53	Không	Khá
3	10GC710007	Phạm Thị Hồng Diệp	26/05/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,62	0,00	Không	Khá
4	10GC710008	Đinh Thị Dung	20/02/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,69	0,00	Không	Khá
5	10GC710012	Phạm Ngọc Đông	01/02/1991	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,93	0,00	Không	Khá
6	10GC710014	Lê Thị Hà	09/09/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,44	0,00	Không	Trung bình
7	10GC710015	Nguyễn Tiến Hải	18/08/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,80	0,00	Không	Khá
8	10GC710016	Hà Thị Hằng	21/07/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,78	3,09	Không	Khá
9	10GC710017	Trần Thị Hân	24/09/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,71	0,00	Không	Khá
10	10GC710018	Mai Thị Hiền	10/11/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,41	0,00	Không	Trung bình
11	10GC710019	Trần Thị Thu Hiền	26/11/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,75	0,00	Không	Khá
12	10GC710020	Trần Ngọc Hiền	14/01/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,20	0,00	Không	Trung bình
13	10GC710021	Nguyễn Đức Hoà	10/04/1992	Nam	Thái Bình	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,58	0,00	Không	Khá
14	10GC710022	Phạm Thanh Hoài	07/04/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,55	3,09	Không	Khá
15	10GC710025	Nguyễn Thị Huệ	15/10/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,88	6,19	Không	Khá
16	10GC710026	Nguyễn Thị Huệ	12/10/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,58	0,00	Không	Khá

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
17	10GC710028	Trương Quốc	Hùng	07/07/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,20	2,06	Không	Trung bình
18	10GC710029	Trương Thị Lan	Hương	15/03/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,55	0,00	Không	Khá
19	10GC710030	Ngô Thị	Hương	30/08/1991	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,87	0,00	Không	Khá
20	10GC710031	Hà Mạnh	Hướng	26/04/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,96	0,00	Không	Khá
21	10GC710033	Nguyễn Thị	Lệ	25/03/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,45	0,00	Không	Trung bình
22	10GC710036	Vàng Thị	Linh	08/10/1992	Nữ	Lai Châu	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,31	0,00	CC	Trung bình
23	10GC710039	Dương Thị Ngọc	Lý	02/05/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,82	0,00	Không	Khá
24	10GC710040	Đỗ Thị	Mến	24/06/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,60	0,00	Không	Khá
25	10GC710041	Trần Thị	Mùi	01/01/1992	Nữ	Hà Nam	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,72	0,00	Không	Khá
26	10GC710042	Đỗ Thị	Ngà	05/04/1991	Nữ	Hà Nam	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,32	0,00	Không	Trung bình
27	10GC710043	Trần Thị	Ngoan	26/10/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,77	0,00	Không	Khá
28	10GC710044	Lưu Bích	Ngọc	27/10/1992	Nữ	Tuyên Quang	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	3,04	0,00	Không	Khá
29	10GC710045	Đỗ Thị Thuý	Nhài	09/05/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,74	2,06	Không	Khá
30	10GC710046	Đỗ Thị	Nhung	08/09/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,97	0,00	Không	Khá
31	10GC710049	Nguyễn Hồng	Quân	15/02/1991	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,55	5,15	Không	Khá
32	10GC710052	Trịnh Văn	Tâm	01/02/1992	Nam	Thanh Hóa	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,78	0,00	Không	Khá
33	10GC710053	Vũ Thị Thu	Thanh	17/09/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,90	0,00	Không	Khá
34	10GC710054	Vũ Thị Thu	Thảo	01/05/1992	Nữ	Thanh Hóa	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	3,08	0,00	Không	Khá
35	10GC710057	Vũ Thị	Thêu	08/11/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,57	2,06	Không	Khá
36	10GC710059	Nguyễn Thị	Thom	14/01/1992	Nữ	Thái Bình	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,99	0,00	Không	Khá
37	10GC710060	Đặng Thu	Thùy	29/08/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,58	0,00	Không	Khá
38	10GC710061	Nguyễn Thanh	Thùy	24/07/1991	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,85	0,00	Không	Khá
39	10GC710062	Nguyễn Thị	Thuý	08/04/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,57	0,00	Không	Khá
40	10GC710064	Trần Gia	Tiến	22/02/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,72	2,06	Không	Khá
41	10GC710065	Dương Thị Thanh	Tính	22/08/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,48	0,00	Không	Trung bình
42	10GC710067	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/04/1992	Nữ	Ninh Bình	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	3,16	0,00	Không	Khá
43	10GC710068	Nguyễn Thiên	Trang	02/07/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,85	0,00	Không	Khá
44	10GC710069	Ngô Thị Thu	Trang	19/09/1991	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,63	2,06	Không	Khá
45	10GC710071	Nguyễn Thị	Vân	07/05/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,44	0,00	Không	Trung bình

2

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
46	10GC710072	Trần Thị	Yến	09/12/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	97	3,35	0,00	Không	Giỏi
47	10GC710075	Nguyễn Tuấn	Anh	16/05/1992	Nam	Thái Bình	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,61	1,03	Không	Khá
48	10GC710077	Trần Thị	Bích	02/11/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	3,27	0,00	Không	Giỏi
49	10GC710080	Đỗ Thanh	Dung	29/12/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,31	0,00	Không	Trung bình
50	10GC710081	Trần Thị	Dung	28/01/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,95	0,00	Không	Khá
51	10GC710082	Trần Thị	Duyên	15/02/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	3,11	0,00	Không	Khá
52	10GC710086	Hoàng Thu	Hải	14/12/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	3,02	0,00	Không	Khá
53	10GC710088	Nguyễn Thị Thu	Hiền	06/12/1992	Nữ	Hà Nam	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,60	0,00	Không	Khá
54	10GC710089	Vũ Thị	Hiền	14/04/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,82	0,00	Không	Khá
55	10GC710090	Nguyễn Thị	Hoa	13/01/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,55	0,00	Không	Khá
56	10GC710091	Trần Thị	Hoa	18/09/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,99	0,00	Không	Khá
57	10GC710092	Trần Quốc	Hoàn	16/01/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,86	0,00	Không	Khá
58	10GC710094	Bùi Minh	Hòa	02/09/1992	Nam	Thanh Hóa	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,63	0,00	Không	Khá
59	10GC710096	Mai Thị	Huệ	25/01/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	3,34	0,00	Không	Giỏi
60	10GC710097	Đinh Thị	Huê	10/07/1991	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,80	0,00	Không	Khá
61	10GC710098	Vũ Đình	Huỳnh	04/08/1990	Nam	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,52	0,00	Không	Khá
62	10GC710099	Trần Văn	Hưng	21/03/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,76	0,00	Không	Khá
63	10GC710100	Đặng Thị Thanh	Hương	07/10/1992	Nữ	Thái Bình	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,55	0,00	Không	Khá
64	10GC710101	Phạm Thị Thanh	Hương	12/07/1991	Nữ	Thái Bình	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,93	0,00	Không	Khá
65	10GC710102	Tạ Thị Thu	Hương	26/09/1991	Nữ	Thái Bình	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	3,07	1,03	Không	Khá
66	10GC710103	Vũ Thị	Hương	12/10/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,28	0,00	Không	Trung bình
67	10GC710104	Vũ Thị Thu	Hường	01/05/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	3,00	0,00	Không	Khá
68	10GC710107	Vũ Duy	Khánh	14/06/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,69	0,00	Không	Khá
69	10GC710109	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/11/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,88	0,00	Không	Khá
70	10GC710111	Trần Thị Minh	Loan	12/08/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,86	0,00	Không	Khá
71	10GC710116	Trịnh Thị	Mơ	20/03/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,91	1,03	Không	Khá
72	10GC710121	Bùi Thị	Nguyệt	24/02/1991	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,89	0,00	Không	Khá
73	10GC710122	Đinh Văn	Nhị	31/10/1992	Nam	Ninh Bình	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,81	0,00	Không	Khá
74	10GC710123	Nguyễn Thị Thanh	Oanh	02/10/1992	Nữ	Thái Bình	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,96	0,00	Không	Khá

[Handwritten signature]

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
75	10GC710124	Nguyễn Thị Hồng	Phương	29/08/1992	Nữ	Thái Bình	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	3,08	0,00	Không	Khá
76	10GC710126	Ngô Thị Phương	Thảo	10/06/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,69	0,00	Không	Khá
77	10GC710127	Nguyễn Thị	Thắm	02/07/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	3,43	0,00	Không	Giỏi
78	10GC710128	Lê Quang	Thắng	09/04/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,91	0,00	Không	Khá
79	10GC710131	Phan Thị Thanh	Thủy	14/12/1992	Nữ	Hà Nam	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,80	0,00	Không	Khá
80	10GC710132	Trần Thị	Thúy	05/11/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,49	0,00	Không	Trung bình
81	10GC710134	Nguyễn Văn	Tâm	06/06/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,36	0,00	Không	Trung bình
82	10GC710140	Trần Thị	Vi	21/01/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	97	2,58	0,00	Không	Khá
83	10GC720001	Bùi Thế	Anh	02/04/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,51	3,09	Không	Khá
84	10GC720002	Hà Đức	Anh	03/11/1990	Nam	Hà Nam	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,64	2,06	Không	Khá
85	10GC720004	Trần Tuấn	Anh	21/02/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,65	5,15	Không	Khá
86	10GC720006	Lê Văn	Cường	26/05/1992	Nam	Ninh Bình	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,23	5,15	Không	Trung bình
87	10GC720007	Trần Đình	Của	01/01/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,45	2,06	Không	Trung bình
88	10GC720009	Vũ Đình	Dương	21/09/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,46	3,09	Không	Trung bình
89	10GC720012	Lê Việt	Dũng	04/05/1992	Nam	Hà Nam	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,23	0,00	Không	Trung bình
90	10GC720013	Nguyễn Văn	Dũng	28/08/1990	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,51	2,06	Không	Khá
91	10GC720015	Tô Mạnh	Đạt	12/02/1992	Nam	Thái Bình	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,35	1,03	Không	Trung bình
92	10GC720017	Trần Trí	Giang	18/06/1992	Nam	Hà Nam	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,35	4,12	Không	Trung bình
93	10GC720020	Nguyễn Thị	Hoa	20/12/1991	Nữ	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,87	1,03	Không	Khá
94	10GC720023	Nguyễn Thị	Khánh	24/12/1992	Nữ	Thái Bình	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,94	0,00	Không	Khá
95	10GC720024	Nguyễn Đắc	Kiên	16/10/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,29	3,09	Không	Trung bình
96	10GC720026	Nguyễn Thị	Lan	15/01/1991	Nữ	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,74	0,00	Không	Khá
97	10GC720028	Ninh Văn	Long	12/09/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,23	4,12	Không	Trung bình
98	10GC720029	Phạm Đức	Luỹ	12/09/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,53	4,12	Không	Khá
99	10GC720030	Hoàng Đức	Mạnh	27/07/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,39	4,12	Không	Trung bình
100	10GC720032	Phạm Thị	Miến	28/01/1992	Nữ	Thái Bình	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	3,07	0,00	Không	Khá
101	10GC720033	Đỗ Thị	Nga	05/09/1992	Nữ	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,34	8,25	Không	Trung bình
102	10GC720034	Nguyễn Văn	Nguyên	06/10/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,65	0,00	Không	Khá
103	10GC720035	Trần Thị	Nguyên	27/07/1992	Nữ	Hà Nam	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,76	0,00	Không	Khá

ĐH

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
104	10GC720037	Nguyễn Như	Nhu	14/11/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,55	0,00	Không	Khá
105	10GC720038	Vũ Duy	Phuong	02/01/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,09	4,12	Không	Trung bình
106	10GC720039	Nguyễn Văn	Phi	01/04/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,12	3,09	Không	Trung bình
107	10GC720041	Trần Điền	Quân	30/01/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,52	0,00	Không	Khá
108	10GC720044	Lê Thế	Tài	04/12/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,20	4,12	Không	Trung bình
109	10GC720045	Vũ Đức	Thông	03/06/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,24	6,19	Không	Trung bình
110	10GC720048	Trần Quyết	Thắng	01/04/1990	Nam	Hà Nam	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,89	0,00	Không	Khá
111	10GC720050	Lê Công	Thường	19/03/1991	Nam	Hà Nam	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,21	4,12	Không	Trung bình
112	10GC720051	Nguyễn Xuân	Thoại	19/10/1991	Nam	Hà Nam	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,79	0,00	Không	Khá
113	10GC720052	Trịnh Quang	Thịnh	05/10/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,33	2,06	Không	Trung bình
114	10GC720053	Cao Văn	Tiến	11/09/1992	Nam	Thái Bình	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,56	0,00	Không	Khá
115	10GC720055	Đặng Minh	Tuấn	05/11/1991	Nam	Thái Bình	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,47	4,12	Không	Trung bình
116	10GC720057	Nguyễn Văn	Tuyên	12/12/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,36	0,00	Không	Trung bình
117	10GC720058	Lê Thị	Tuyết	29/12/1991	Nữ	Hà Nam	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,53	0,00	Không	Khá
118	10GC720059	Bùi Thường	Tín	17/04/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	97	2,52	2,06	Không	Khá
119	10GC730004	Quyền Dũng	Chinh	21/11/1992	Nam	Hà Nam	CK - KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	2,13	11,34	Không	Trung bình
120	10GC730005	Nguyễn Mạnh	Chiến	22/02/1992	Nam	Ninh Bình	CK - KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	2,30	2,06	Không	Trung bình
121	10GC730014	Trần Thanh	Hà	30/09/1990	Nam	Nam Định	CK - KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	2,34	3,09	Không	Trung bình
122	10GC730015	Đỗ Văn	Hiệp	16/04/1992	Nam	Nam Định	CK - KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	2,31	2,06	Không	Trung bình
123	10GC730017	Đỗ Thị Thương	Huyền	09/05/1992	Nữ	Hà Nội	CK - KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	3,13	0,00	Không	Khá
124	10GC730018	Dương Quốc	Hùng	18/03/1987	Nam	Nam Định	CK - KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	2,22	2,06	Không	Trung bình
125	10GC730022	Lê Trọng	Minh	16/06/1992	Nam	Ninh Bình	CK - KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	2,68	0,00	Không	Khá
126	10GC730024	Trần Văn	Nguyên	29/04/1992	Nam	Nam Định	CK - KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	2,33	2,06	Không	Trung bình
127	10GC730028	Nguyễn Văn	Tâm	30/03/1992	Nam	Ninh Bình	CK - KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	2,81	0,00	Không	Khá
128	10GC730029	Kiều Văn	Thái	13/07/1991	Nam	Nam Định	CK - KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	2,95	0,00	Không	Khá
129	10GC730033	Dương Văn	Thuận	05/08/1991	Nam	Nam Định	CK - KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	2,43	4,12	Không	Trung bình
130	10GC730036	Trần Quang	Tuấn	10/04/1992	Nam	Hà Nam	CK - KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	2,32	0,00	Không	Trung bình
131	10GC730038	Phạm Xuân	Văn	17/05/1990	Nam	Ninh Bình	CK - KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	2,19	4,12	Không	Trung bình
132	10GC730039	Trịnh Văn	Xếp	26/12/1991	Nam	Nam Định	CK - KTĐ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	97	2,39	3,09	Không	Trung bình

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
133	10GC740004	Nguyễn Văn	Công	21/09/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,16	1,03	Không	Trung bình
134	10GC740007	Lê Ngọc	Chương	02/11/1992	Nam	Hà Nam	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,27	0,00	Không	Trung bình
135	10GC740009	Nguyễn Văn	Dũng	09/11/1992	Nam	Hà Nội	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,61	0,00	Không	Khá
136	10GC740010	Ngô Hanh	Đạt	12/11/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,60	0,00	Không	Khá
137	10GC740011	Trần Hữu	Giang	21/09/1991	Nam	Hà Nam	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,49	0,00	Không	Trung bình
138	10GC740016	Trần Thiện	Hoàng	03/09/1991	Nam	Lai Châu	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,66	0,00	Không	Khá
139	10GC740017	Nguyễn Văn	Hùng	12/04/1992	Nam	Thái Bình	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,47	0,00	Không	Trung bình
140	10GC740018	Nguyễn Trọng	Kính	23/02/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,45	0,00	Không	Trung bình
141	10GC740021	Trần Quang	Nam	26/06/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,37	0,00	Không	Trung bình
142	10GC740022	Trịnh Thị Kim	Nguyệt	10/03/1991	Nữ	Ninh Bình	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,88	0,00	Không	Khá
143	10GC740023	Trần Thị	Nhâm	23/12/1992	Nữ	Nam Định	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	3,03	0,00	Không	Khá
144	10GC740025	Nguyễn Văn	Tình	28/12/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,57	0,00	Không	Khá
145	10GC740026	Đỗ Văn	Tam	02/01/1991	Nam	Ninh Bình	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,20	2,06	Không	Trung bình
146	10GC740029	Dương Văn	Thật	06/11/1990	Nam	Hà Nam	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,20	2,06	Không	Trung bình
147	10GC740031	Đinh Trần	Tú	08/10/1992	Nam	Ninh Bình	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,72	0,00	Không	Khá
148	10GC740033	Phạm Đình	Tuấn	12/05/1991	Nam	Ninh Bình	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,68	0,00	Không	Khá
149	10GC740034	Trần Duy	Tùng	02/09/1992	Nam	Hà Nam	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,46	0,00	Không	Trung bình
150	10GC740035	Đỗ Quốc	Việt	20/04/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	97	2,45	0,00	Không	Trung bình
151	10GC750001	Nguyễn Đại	Biên	15/10/1992	Nam	Nam Định	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	95	2,54	0,00	Không	Khá
152	10GC750003	Vũ Thiện	Chiến	13/06/1992	Nam	Nam Định	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	95	2,37	0,00	Không	Trung bình
153	10GC750006	Nguyễn Văn	Điệp	08/04/1989	Nam	Nam Định	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	95	2,60	0,00	Không	Khá
154	10GC750009	Đỗ Đức	Hiền	12/02/1992	Nam	Thái Bình	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	95	2,53	0,00	Không	Khá
155	10GC750010	Nguyễn Văn	Hoà	02/09/1991	Nam	Thanh Hóa	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	95	2,20	0,00	Không	Trung bình
156	10GC750011	Bùi Thế	Long	27/02/1992	Nam	Thái Bình	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	95	2,80	0,00	Không	Khá
157	10GC750015	Nguyễn Xuân	Quảng	06/11/1992	Nam	Thái Bình	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	95	2,48	0,00	Không	Trung bình
158	10GC750017	Ngô Mạnh	Thắng	27/10/1991	Nam	Nam Định	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	95	2,59	0,00	Không	Khá
159	10GC750018	Đặng Đình	Thanh	03/11/1992	Nam	Nam Định	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	95	2,69	0,00	Không	Khá
160	10GC750020	Nguyễn Đại	Tiến	22/11/1992	Nam	Nam Định	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	95	2,37	0,00	Không	Trung bình
161	10GC750024	Lô Văn	Việt	29/09/1989	Nam	Nghệ An	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	95	2,86	0,00	Không	Khá

Đã

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
162	10GC760003	Trần Mạnh	Hùng	09/03/1992	Nam	Nam Định	CK - HÀN 13	2010	Công nghệ hàn	95	95	2,59	0,00	Không	Khá
163	10GC760004	Vũ Xuân	Hòa	07/04/1992	Nam	Nam Định	CK - HÀN 13	2010	Công nghệ hàn	95	95	2,65	0,00	Không	Khá
164	10GC760005	Phạm Văn	Khương	02/09/1992	Nam	Ninh Bình	CK - HÀN 13	2010	Công nghệ hàn	95	95	2,66	0,00	Không	Khá
165	10GC760006	Dur Thái	Long	31/08/1992	Nam	Hòa Bình	CK - HÀN 13	2010	Công nghệ hàn	95	95	2,42	0,00	Không	Trung bình
166	10GC760008	Trần Văn	Quang	20/08/1991	Nam	Nam Định	CK - HÀN 13	2010	Công nghệ hàn	95	95	2,58	0,00	Không	Khá
167	10GC760009	Vũ Ngọc	Tam	09/02/1991	Nam	Nam Định	CK - HÀN 13	2010	Công nghệ hàn	95	95	2,57	0,00	Không	Khá
168	10GC760010	Phùng Quang	Thế	01/09/1991	Nam	Ninh Bình	CK - HÀN 13	2010	Công nghệ hàn	95	95	2,47	0,00	Không	Trung bình
169	10GC760011	Nguyễn Phúc	Thịnh	24/04/1991	Nam	Hà Nam	CK - HÀN 13	2010	Công nghệ hàn	95	95	2,60	0,00	Không	Khá
170	10GC760012	Nguyễn Văn	Triệu	18/06/1991	Nam	Nam Định	CK - HÀN 13	2010	Công nghệ hàn	95	95	2,53	0,00	Không	Khá
171	10GC760013	Hoàng Anh	Vũ	09/04/1991	Nam	Hà Nam	CK - HÀN 13	2010	Công nghệ hàn	95	95	2,36	0,00	Không	Trung bình
172	10GC770001	Trần Ngọc	Chiến	06/03/1990	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,43	0,00	Không	Trung bình
173	10GC770002	Ngô Văn	Chính	16/08/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,29	0,00	Không	Trung bình
174	10GC770006	Trần Duyên	Dũng	12/10/1991	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,56	0,00	Không	Khá
175	10GC770008	Đỗ Mai	Duy	02/04/1991	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,30	0,00	Không	Trung bình
176	10GC770013	Đinh Thị	Hương	19/10/1992	Nữ	Ninh Bình	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,78	0,00	Không	Khá
177	10GC770014	Bùi Minh	Hải	30/09/1992	Nam	Thái Bình	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,29	0,00	Không	Trung bình
178	10GC770015	Lê Mạnh	Hải	14/05/1992	Nam	Ninh Bình	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,78	0,00	Không	Khá
179	10GC770016	Nguyễn Văn	Hai	20/11/1992	Nam	Hà Nội	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,28	0,00	Không	Trung bình
180	10GC770018	Trần Công	Hình	29/02/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,30	0,00	Không	Trung bình
181	10GC770019	Đào Đức	Hoá	10/02/1992	Nam	Ninh Bình	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,26	0,00	Không	Trung bình
182	10GC770020	Đỗ Quang	Huy	21/01/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,34	0,00	Không	Trung bình
183	10GC770022	Nguyễn Văn	Huy	08/08/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,20	0,00	Không	Trung bình
184	10GC770024	Nguyễn Tiến	Hùng	12/08/1989	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,67	0,00	Không	Khá
185	10GC770025	Nguyễn Văn	Hùng	26/08/1991	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,44	0,00	Không	Trung bình
186	10GC770027	Đoàn Văn	Linh	18/08/1991	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,49	0,00	Không	Trung bình
187	10GC770028	Tạ Chí	Linh	07/02/1990	Nam	Ninh Bình	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,95	0,00	Không	Khá
188	10GC770032	Ngô Văn	Nhâm	14/04/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,33	0,00	Không	Trung bình
189	10GC770033	Trần Hồng	Quân	02/11/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,13	0,00	Không	Trung bình
190	10GC770034	Phạm Xuân	Quang	09/08/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,18	0,00	Không	Trung bình

Handwritten signature

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
191	10GC770045	Nguyễn Đình	Trữ	02/11/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,29	0,00	Không	Trung bình
192	10GC770047	Mai Xuân	Tuyên	29/05/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,27	0,00	Không	Trung bình
193	10GC770049	Đỗ Văn	Uyên	02/02/1990	Nam	Thái Bình	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	96	2,28	0,00	Không	Trung bình
194	09GC710050	Nguyễn Văn	Tuấn	03/07/1987	Nam	Nam Định	CK - ĐTĐ 13 (NH)	2009	Công nghệ tự động	91	91	2,38	1,10	Không	Trung bình

Ấn định danh sách 194 SV

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Văn Khiêm



DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG KHÓA 12

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 336/QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 04 tháng 7 năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định (Không tính GDTC, QP)	Số tín chỉ tích lũy (Không tính GDTC, QP)	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	09GC710144	Nguyễn Văn Phúc	12/05/1991	Nam	Nam Định	CK - TIN 12	2009	Công nghệ thông tin	104	104	2,26	1,82	Không	Trung bình
2	09GC730022	Trương Thanh Phương	02/09/1991	Nam	Quảng Bình	CK - KTD 12	2009	Công nghệ kỹ thuật điện	102	102	2,21	3,92	Không	Trung bình
3	08GC730010	Nguyễn Hồng Giang	09/11/1990	Nam	Hà Nam	CK - KTD 12	2008	Công nghệ kỹ thuật điện	102	102	2,17	6,86	Không	Trung bình
4	09GC740001	Trần Phúc An	12/09/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐTD 12	2009	Công nghệ tự động	111	111	2,34	3,60	Không	Trung bình
5	09GC740013	Trần Ngọc Huy	28/09/1991	Nam	Hà Nam	CK - ĐTD 12	2009	Công nghệ tự động	111	111	2,07	1,80	Không	Trung bình
6	09GC740024	Chu Văn Quang	30/05/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐTD 12	2009	Công nghệ tự động	111	111	2,32	3,60	Không	Trung bình
7	09GC750010	Nguyễn Văn Đồng	18/10/1991	Nam	Thái Bình	CK - CTM 12	2009	Công nghệ chế tạo máy	102	102	2,51	0,00	Không	Khá
8	09GC750018	Đinh Văn Nhất	15/10/1991	Nam	Nam Định	CK - CTM 12	2009	Công nghệ chế tạo máy	102	102	2,35	0,00	Không	Trung bình
9	09GC760010	Bùi Đức Thắng	30/11/1990	Nam	Nam Định	CK - HÀN 12	2009	Công nghệ hàn	101	101	2,77	0,00	Không	Khá
10	09GC770032	Đinh Xuân Long	19/11/1991	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 12	2009	Công nghệ kỹ thuật ô tô	97	97	2,36	2,06	Không	Trung bình

Ấn định danh sách 10 SV

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Văn Khiêm

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG KỸ THUẬT KHỐI K KHÓA 11

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 38/QĐ-ĐHSPKTND ngày 04 tháng 7 năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	11FC810002	Đặng Đình Cương	14/12/1977	Nam	Nam Định	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	70	2,77	2,86	Không	Khá
2	11FC810003	Vũ Đức Doanh	14/10/1990	Nam	Nam Định	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	70	2,50	0,00	Không	Khá
3	11FC810004	Nguyễn Đức Dũng	08/06/1991	Nam	Ninh Bình	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	70	2,36	2,86	Không	Trung bình
4	11FC810005	Đặng Tuấn Dương	16/01/1990	Nam	Nam Định	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	70	2,50	5,71	Không	Khá
5	11FC810006	Vũ Trọng Đại	10/07/1991	Nam	Thái Bình	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	70	2,17	2,86	Không	Trung bình
6	11FC810007	Hoàng Ngọc Hiếu	01/09/1991	Nam	Yên Bái	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	70	2,33	0,00	Không	Trung bình
7	11FC810008	Nguyễn Thái Ngọc	18/11/1991	Nam	Điện Biên	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	70	2,91	0,00	Không	Khá
8	11FC810009	Lê Hồng Nhung	10/10/1991	Nữ	Nam Định	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	70	2,69	0,00	Không	Khá
9	11FC810010	Trần Đức Ninh	10/08/1991	Nam	Ninh Bình	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	70	2,21	2,86	Không	Trung bình
10	11FC810011	Mai Thanh Quang	07/02/1988	Nam	Phú Thọ	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	70	2,33	2,86	Không	Trung bình
11	11FC810012	Trần Ngọc Sơn	18/12/1989	Nam	Nam Định	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	70	3,27	0,00	Không	Giỏi
12	11FC810013	Trần Trung Thịnh	26/01/1988	Nam	Nam Định	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	70	2,71	0,00	Không	Khá
13	11FC810014	Nguyễn Xuân Toàn	26/07/1990	Nam	Nam Định	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	70	2,40	0,00	Không	Trung bình
14	11FC810016	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	08/07/1991	Nữ	Nam Định	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	70	2,27	0,00	Không	Trung bình
15	11FC810017	Lê Thị Xiêm	11/09/1990	Nữ	Nam Định	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	70	2,43	0,00	Không	Trung bình
16	11FC830002	Trần Văn Bằng	08/02/1993	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	70	2,80	0,00	Không	Khá

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
17	11FC830004	Nguyễn Văn	Chính	15/12/1986	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	70	2,66	0,00	Không	Khá
18	11FC830011	Lê Đức	Hòa	04/01/1988	Nam	Hà Nam	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	70	2,57	0,00	Không	Khá
19	11FC830012	Nguyễn Đức	Hoàn	08/03/1990	Nam	Hà Nam	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	70	2,60	2,86	Không	Khá
20	11FC830013	Nguyễn Văn	Hùng	16/11/1991	Nam	Hà Nam	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	70	2,44	4,29	Không	Trung bình
21	11FC830014	Nguyễn Trọng	Huy	08/11/1991	Nam	Thanh Hóa	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	70	3,29	0,00	Không	Giỏi
22	11FC830015	Đỗ Ngọc	Hung	26/10/1990	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	70	2,63	5,71	Không	Khá
23	11FC830016	Đinh Ngọc	Hương	11/08/1987	Nam	Ninh Bình	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	70	2,84	0,00	Không	Khá
24	11FC830021	Trần Văn	Phương	13/10/1990	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	70	2,36	2,86	Không	Trung bình
25	11FC830024	Trần Văn	Tây	19/10/1992	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	70	2,24	0,00	Không	Trung bình
26	11FC830027	Nguyễn Văn	Thuần	17/10/1989	Nam	Ninh Bình	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	70	3,20	0,00	Không	Giỏi
27	11FC830028	Trần Đức	Thuận	02/05/1993	Nam	Hà Nam	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	70	2,50	2,86	Không	Khá
28	11FC830030	Nguyễn Thế	Trí	05/06/1990	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	70	2,39	0,00	Không	Trung bình

Ấn định danh sách 28 SV

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Văn Khiêm

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG KỸ THUẬT KHỐI K KHÓA 10

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 580/QĐ-ĐHSPKTND ngày 01 tháng 7 năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	10FC830009	Nguyễn Văn Đình	20/04/1989	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 10	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	70	70	2,31	2,86	Không	Trung bình

Ấn định danh sách 01 SV

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Văn Khiêm

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG KỸ THUẬT KHÓA 13

Chưa được công nhận tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 580/QĐ-ĐHSPKTND ngày 11 tháng 11 năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	10GC710004	Vũ Việt Anh	20/06/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	80	1,79	16,49	
2	10GC710005	Nguyễn Đức Biễn	25/07/1991	Nam	Thái Bình	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	92	2,14	10,31	
3	10GC710006	Bùi Văn Chính	13/05/1991	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	85	1,82	7,22	
4	10GC710010	Vũ Tiến Dũng	17/01/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	94	2,35	3,09	
5	10GC710013	Mai Xuân Đức	12/01/1991	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	94	2,36	6,19	
6	10GC710034	Nguyễn Thị Lệ	10/11/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	96	2,44	1,03	
7	10GC710035	Vũ Thị Diệu Liên	06/01/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	96	2,45	1,03	
8	10GC710047	Trần Ngọc Phong	01/12/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	89	2,33	8,25	
9	10GC710050	Lã Đình Quyền	18/10/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	94	2,07	2,06	
10	10GC710055	Đoàn Văn Thắng	01/03/1991	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	95	2,60	2,06	
11	10GC710056	Lưu Thị Thêm	26/09/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	95	2,43	3,09	
12	10GC710058	Hoàng Đức Thiết	04/05/1991	Nam	Quảng Trị	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	95	2,80	2,06	
13	10GC710066	Chu Minh Toàn	03/01/1992	Nam	Quảng Ninh	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	95	2,19	6,19	
14	10GC710070	Nguyễn Đức Trung	02/06/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13A	2010	Công nghệ thông tin	97	52	1,71	36,08	

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
15	10GC710078	Trần Khắc	Bình	31/03/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	87	2,23	8,25	
16	10GC710084	Phạm Thị	Điều	13/10/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	95	2,41	2,06	
17	10GC710085	Tô Ngọc	Đức	20/06/1990	Nam	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	88	2,38	13,40	
18	10GC710087	Lưu Thị	Hạnh	01/12/1992	Nữ	Thái Bình	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	95	2,00	3,09	
19	10GC710093	Đinh Thị	Hồng	23/10/1990	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	77	2,00	23,71	
20	10GC710105	Nguyễn Văn	Huông	10/07/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	91	2,10	2,06	
21	10GC710106	Bùi Duy	Khánh	20/04/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	81	1,68	6,19	
22	10GC710114	Nguyễn Tiến	Mạnh	25/02/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	91	2,15	5,15	
23	10GC710120	Nguyễn Thị	Ngân	05/05/1992	Nữ	Hà Nam	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	86	2,09	11,34	
24	10GC710129	Trịnh Văn	Thế	03/03/1991	Nam	Ninh Bình	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	90	2,12	2,06	
25	10GC710130	Trịnh Văn	Thọ	30/03/1991	Nam	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	62	2,16	32,99	
26	10GC710135	Đinh Trọng	Tín	08/10/1991	Nam	Hà Nam	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	94	2,45	3,09	
27	10GC710136	Bùi Thị	Trang	11/04/1992	Nữ	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	95	2,42	4,12	
28	10GC710137	Đỗ Văn	Trọng	12/12/1992	Nam	Kiên Giang	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	95	2,60	4,12	
29	10GC710139	Nguyễn Thanh	Tùng	05/11/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	59	1,63	28,87	
30	10GC710141	Cù Đức	Việt	28/09/1992	Nam	Nam Định	CK - TIN 13B	2010	Công nghệ thông tin	97	91	2,10	3,09	
31	10GC720003	Nguyễn Quốc	Anh	07/04/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	92	2,22	11,34	
32	10GC720005	Phạm Văn	Bân	18/08/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	90	2,12	8,25	
33	10GC720008	Cù Văn	Dương	28/02/1991	Nam	Hà Nam	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	95	2,22	12,37	
34	10GC720011	Vũ Văn	Doanh	27/11/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	87	2,10	6,19	
35	10GC720022	Bùi Văn	Hậu	10/03/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	83	2,01	13,40	
36	10GC720025	Nguyễn Thế	Kỷ	11/01/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	95	2,21	13,40	
37	10GC720027	Nguyễn Duy	Linh	28/01/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	93	2,27	9,28	
38	10GC720031	Lê Văn	Minh	28/12/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	86	2,08	2,06	
39	10GC720043	Nguyễn Thái	Son	05/09/1992	Nam	Thái Bình	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	86	2,14	19,59	
40	10GC720060	Trần Tất	Vượng	29/03/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	97	92	2,30	7,22	
41	10GC730001	Hà Thế	Anh	10/11/1992	Nam	Nam Định	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	94	2,01	13,40	

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
42	10GC730002	Đào Xuân	Ban	12/11/1992	Nam	Ninh Bình	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	94	2,13	6,19	
43	10GC730003	Đỗ Văn	Công	13/05/1990	Nam	Nam Định	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	78	1,94	13,40	
44	10GC730007	Vũ Công	Dân	24/09/1992	Nam	Thái Bình	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	95	2,43	4,12	
45	10GC730008	Hoàng Văn	Doanh	04/06/1992	Nam	Nam Định	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	90	2,29	10,31	
46	10GC730012	Hà Minh	Đức	21/10/1992	Nam	Yên Bái	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	92	2,17	6,19	
47	10GC730013	Hoàng Văn	Giang	14/04/1991	Nam	Ninh Bình	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	92	2,09	6,19	
48	10GC730016	Lê Huy	Hoàng	04/01/1992	Nam	Hà Giang	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	83	2,16	6,19	
49	10GC730019	Trần Xuân	Hùng	02/02/1991	Nam	Nam Định	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	86	2,16	8,25	
50	10GC730021	Dương Quốc	Linh	13/06/1991	Nam	Hà Nam	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	89	2,16	9,28	
51	10GC730023	Đào Hải	Nam	25/08/1992	Nam	Nam Định	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	84	2,14	7,22	
52	10GC730025	Nguyễn Hải	Ninh	10/09/1992	Nam	Nam Định	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	86	2,01	3,09	
53	10GC730030	Mai Văn	Thành	19/08/1991	Nam	Thanh Hóa	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	93	2,20	8,25	
54	10GC730031	Hoàng Quang	Thắng	26/12/1990	Nam	Nam Định	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	83	2,01	13,40	
55	10GC730032	Trần Văn	Thắng	02/03/1991	Nam	Nam Định	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	94	2,10	2,06	
56	10GC730034	Mai Văn	Tiền	04/04/1992	Nam	Nam Định	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	83	2,05	8,25	
57	10GC730035	Nguyễn Mạnh	Tú	26/07/1992	Nam	Nam Định	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	89	2,09	5,15	
58	10GC730037	Đỗ Văn	Tường	13/05/1989	Nam	Nam Định	CK - KTD 13	2010	Công nghệ kỹ thuật điện	97	94	2,04	1,03	
59	10GC740001	Nguyễn Đức	An	16/02/1992	Nam	Ninh Bình	CK - ĐTD 13	2010	Công nghệ tự động	97	93	2,08	5,15	
60	10GC740003	Mai Văn	Bộ	25/07/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐTD 13	2010	Công nghệ tự động	97	89	2,07	0,00	
61	10GC740005	Phạm Chí	Công	15/01/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐTD 13	2010	Công nghệ tự động	97	79	2,05	10,31	
62	10GC740006	Bùi Xuân	Cường	01/09/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐTD 13	2010	Công nghệ tự động	97	65	2,05	28,87	
63	10GC740008	Đinh Nam	Chiến	06/10/1992	Nam	Hà Nam	CK - ĐTD 13	2010	Công nghệ tự động	97	83	2,11	12,37	
64	10GC740012	Nguyễn Văn	Hải	20/10/1991	Nam	Ninh Bình	CK - ĐTD 13	2010	Công nghệ tự động	97	94	2,32	5,15	
65	10GC740013	Phạm Hồng	Hải	06/10/1992	Nam	Ninh Bình	CK - ĐTD 13	2010	Công nghệ tự động	97	76	2,24	21,65	
66	10GC740015	Nguyễn Huy	Hoàng	12/07/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐTD 13	2010	Công nghệ tự động	97	90	2,20	5,15	
67	10GC740019	Vũ Văn	Liêm	27/12/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐTD 13	2010	Công nghệ tự động	97	81	2,10	21,65	
68	10GC740024	Trần Giang	Son	20/09/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐTD 13	2010	Công nghệ tự động	97	95	2,44	2,06	

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
69	10GC740027	Phạm Đức	Tam	05/06/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	93	2,23	2,06	
70	10GC740028	Trịnh Văn	Thắng	15/06/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	95	2,38	2,06	
71	10GC740030	Dương Văn	Toàn	20/02/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	91	2,22	2,06	
72	10GC740032	Vũ Ngọc	Triều	09/11/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	95	2,33	2,06	
73	10GC740036	Nguyễn Mạnh	Việt	01/09/1992	Nam	Nam Định	CK - ĐTĐ 13	2010	Công nghệ tự động	97	93	2,42	4,12	
74	10GC750002	Vũ Văn	Bính	08/12/1991	Nam	Nam Định	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	94	2,29	1,05	
75	10GC750005	Khương Văn	Dưỡng	05/04/1992	Nam	Nam Định	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	91	2,42	4,21	
76	10GC750007	Trần Xuân	Đính	23/10/1992	Nam	Nam Định	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	93	2,47	2,11	
77	10GC750008	Nguyễn Thế	Đức	06/10/1992	Nam	Nam Định	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	93	2,39	2,11	
78	10GC750012	Nguyễn Quang	Luân	21/09/1991	Nam	Nam Định	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	92	2,37	3,16	
79	10GC750013	Phạm Văn	Nam	30/09/1989	Nam	Nam Định	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	89	2,37	6,32	
80	10GC750014	Trần Văn	Phú	27/07/1990	Nam	Nam Định	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	87	2,13	8,42	
81	10GC750016	Nguyễn Xuân	Quang	20/11/1992	Nam	Nam Định	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	93	2,27	2,11	
82	10GC750019	Phạm Ngọc	Thức	22/06/1992	Nam	Ninh Bình	CK - CTM 13	2010	Công nghệ chế tạo máy	95	74	2,11	22,11	
83	0941050001	Ng« Trinh	Anh	30/12/1991	Nam	Nam Định	CK - CTM 13	2009	Công nghệ chế tạo máy	95	81	2,47	14,74	
84	0941050029	Hoàng V'n	Th ³ /ng	15/07/1991	Nam	Ninh Bình	CK - CTM 13	2009	Công nghệ chế tạo máy	95	69	2,22	27,37	
85	10GC760001	Phạm Văn	Dũng	18/07/1992	Nam	Nam Định	CK - HÀN 13	2010	Công nghệ hàn	95	93	2,70	2,11	
86	10GC760007	Đinh Văn	Nhất	22/11/1991	Nam	Nam Định	CK - HÀN 13	2010	Công nghệ hàn	95	92	2,35	3,16	
87	10GC770003	Trần Bá	Chính	09/07/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	91	2,04	5,21	
88	10GC770005	Nguyễn Tiến	Dũng	12/09/1991	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	93	2,15	3,13	
89	10GC770007	Vũ Anh	Dũng	20/04/1992	Nam	Thái Bình	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	94	2,39	2,08	
90	10GC770010	Nguyễn Văn	Đoàn	26/08/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	91	1,93	5,21	
91	10GC770011	Đỗ Văn	Được	18/01/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	91	1,99	5,21	
92	10GC770017	Phạm Văn	Hội	14/01/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	94	2,33	2,08	
93	10GC770021	Nguyễn Đình	Huy	14/10/1992	Nam	Thái Bình	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	93	2,05	3,13	
94	10GC770026	Vũ Thế	Hùng	16/12/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	94	2,32	2,08	
95	10GC770031	Trần Vũ	Nghĩa	05/04/1991	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	76	1,99	20,83	

(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
96	10GC770035	Phan Viết	Sách	30/10/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	77	2,00	19,79	
97	10GC770036	Trần Minh	Tài	24/07/1992	Nam	Hà Nam	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	93	2,13	3,13	
98	10GC770037	Lê Minh	Thông	12/09/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	91	2,25	5,21	
99	10GC770038	Đỗ Đăng	Thành	06/10/1991	Nam	Hà Nam	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	89	2,17	7,29	
100	10GC770041	Trần Văn	Thiện	21/03/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	93	2,12	3,13	
101	10GC770042	Vũ Ngọc	Tiến	06/02/1992	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	89	1,89	7,29	
102	10GC770043	Trần Văn	Toàn	21/06/1992	Nam	Hà Nam	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	93	2,19	3,13	
103	10GC770044	Trần Văn	Toàn	20/10/1990	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	93	2,29	3,13	
104	10GC770048	Nguyễn Văn	Tính	15/08/1991	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	93	2,18	3,13	
105	10GC770050	Nguyễn Xuân	Võ	16/05/1990	Nam	Hà Nam	CK - Ô TÔ 13	2010	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	93	2,34	3,13	
106	09GC710091	Trần Tiên	Phong	19/10/1991	Nam	Nam Định	CK - TIN 13 (NH)	2009	Công nghệ thông tin	97	80	2,08	9,28	
107	08GC710152	Nguyễn Văn	Soái	06/05/1990	Nam	Nam Định	CK - TIN 13 (NH)	2008	Công nghệ thông tin	97	83	1,98	5,15	
108	09GC710113	Nguyễn Hữu	Chỉnh	20/01/1991	Nam	Nam Định	CK - TIN 13 (NH)	2009	Công nghệ thông tin	97	89	2,61	5,15	
109	09GC710123	Phạm Văn	Hải	19/03/1991	Nam	Nam Định	CK - TIN 13 (NH)	2009	Công nghệ thông tin	97	86	2,22	0,00	
110	09GC720055	Nguyễn Hữu	Tình	18/10/1991	Nam	Nam Định	CK - ĐĐT 13 (NH)	2009	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	91	89	2,13	4,40	
111	09GC730004	Bùi Viết	Dũng	20/09/1991	Nam	Nam Định	CK - KTĐ 13 (NH)	2009	Công nghệ kỹ thuật điện	91	80	2,11	16,48	
112	09GC740014	Ngô Mạnh	Hùng	25/10/1991	Nam	Hà Tĩnh	CK - ĐTĐ 13 (NH)	2009	Công nghệ tự động	91	78	2,26	10,99	
113	09GC740023	Phạm Chí	Phú	19/12/1991	Nam	Ninh Bình	CK - ĐTĐ 13 (NH)	2009	Công nghệ tự động	91	85	2,09	9,89	
114	09GC770042	Nguyễn Văn	Thà	10/01/1991	Nam	Nam Định	CK - Ô TÔ 13 (NH)	2009	Công nghệ kỹ thuật ô tô	96	77	1,96	19,79	

Ấn định danh sách 114 SV

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Văn Khiêm

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG KỸ THUẬT KHÔI K KHÓA 11

Chưa được công nhận tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 530/QĐ-ĐHSPKTND ngày 01 tháng 7 năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	11FC810001	Đàm Văn Bình	23/01/1990	Nam	Nam Định	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	68	2,40	7,14	
2	11FC810015	Nông Đức Tuấn	05/06/1991	Nam	Yên Bái	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	68	2,04	5,71	
3	11FC810018	Nguyễn Tân Xuân	22/01/1989	Nam	Nam Định	CK - CNTT KK 11	2011	Công nghệ thông tin	70	68	2,41	4,29	
4	11FC830001	Lê Đức Anh	11/01/1993	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	54	1,87	8,57	
5	11FC830003	Trần Văn Chiên	20/02/1990	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	61	2,13	2,86	
6	11FC830005	Nguyễn Anh Dũng	26/02/1987	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	68	2,35	8,57	
7	11FC830007	Nguyễn Văn Dưỡng	16/03/1985	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	68	2,26	8,57	
8	11FC830009	Trần Nho Đạt	05/12/1993	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	57	2,02	4,29	
9	11FC830010	Trần Hữu Đức	24/08/1989	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	69	2,32	1,43	
10	11FC830018	Lê Văn Mười	30/10/1993	Nam	Ninh Bình	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	46	1,98	20,00	



(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
11	11FC830019	Nguyễn Văn Nam	04/06/1991	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	55	1,85	7,14	
12	11FC830020	Trần Ngọc Nam	09/11/1990	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	52	1,77	17,14	
13	11FC830022	Trần Đại Quang	01/03/1993	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	66	2,02	12,86	
14	11FC830023	Nguyễn Minh Tân	05/11/1991	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	51	2,10	17,14	
15	11FC830025	Nguyễn Tiến Thành	01/11/1991	Nam	Hà Nam	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	61	2,10	2,86	
16	11FC830026	Triệu Văn Thời	10/10/1991	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	56	1,84	8,57	
17	11FC830029	Trần Liêm Tiến	03/08/1993	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	24	1,79	51,43	
18	11FC830032	Trần Bá Tú	01/01/1990	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	53	2,02	11,43	
19	11FC830033	Đoàn Anh Tuấn	17/02/1988	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	56	1,88	5,71	
20	11FC830034	Trần Đức Việt	24/09/1993	Nam	Nam Định	CK - KTĐ KK 11	2011	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Công nghệ kỹ thuật điện)	70	55	1,98	11,43	

Ấn định danh sách 20 SV

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Văn Khiêm



DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG KỸ THUẬT KHỐI K KHÓA 10

Chưa được công nhận tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 30/QĐ-ĐHSPKTND ngày 11 tháng 7 năm 2013
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Ghi chú
1	10FC850016	Phùng Ngọc Oánh	31/07/1990	Nam	Thái Bình	CK - HÀN KK 10	2010	Công nghệ hàn	70	63	1,97	10,00	

Ấn định danh sách 01 SV

KT. HIỆU TRƯỞNG 
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Văn Khiêm